

Số: 160/QĐ-HQAG

An Giang, ngày 02 tháng 6 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2021  
của Cục Hải quan tỉnh An Giang

### CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Hải quan ngày 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-TCHQ ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc giao, điều chỉnh dự toán thu, chi NSNN năm 2021.

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài vụ - quản trị;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao, điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 của Cục Hải quan tỉnh An Giang (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Tài vụ - Quản trị, trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Cục chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục TVQT;
- Lưu: VT, TVQT.



CỤC TRƯỞNG

Trần Quốc Hoàn





**CỤC HẢI QUAN TỈNH AN GIANG**

**CHƯƠNG: 018**

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NSNN ĐỢT 1 - NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số **160** /QĐ-HQAG ngày **02** /6/2021  
của Cục Hải quan tỉnh An Giang)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh từ số dư năm 2020	Dự toán giao bổ sung và điều chỉnh dự toán năm 2021	Tổng cộng giao bổ sung và điều chỉnh đợt này	Ghi chú
1	2	3	4	5=3+4	6
<b>A</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>(1,677,988,670)</b>	<b>1,197,879,568</b>	<b>(480,109,102)</b>	
<b>I</b>	<b>QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)</b>	<b>(1,677,988,670)</b>	<b>1,197,879,568</b>	<b>(480,109,102)</b>	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	(1,362,311,736)	301,240,000	(1,061,071,736)	
<b>1.1</b>	<b>Các nội dung chi được tính tiết kiệm</b>	<b>(725,777,542)</b>	<b>301,240,000</b>	<b>(424,537,542)</b>	
	<b>Trong đó:</b>			-	
+	Chi thanh toán cá nhân		202,886,000	202,886,000	
+	Chi quản lý hành chính		(55,000,000)	(55,000,000)	
+	Kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP		(187,721,000)	(187,721,000)	
+	Các khoản chi khác	(725,777,542)	341,075,000	(384,702,542)	
<b>1.2</b>	<b>Các nội dung chi không tính tiết kiệm</b>	<b>(636,534,194)</b>	<b>-</b>	<b>(636,534,194)</b>	
a	Chi tiền lương làm đêm, thêm giờ	(338,206,472)		(338,206,472)	
b	Thanh toán tiền không nghỉ phép năm	(5,991,040)		(5,991,040)	
c	Chi thuê trụ sở			-	
d	Chi các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan nhằm ngăn chặn các hành vi trốn lậu thuế, vi phạm pháp luật và đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ	(208,752,409)		(208,752,409)	
e	Chi mua vật tư, ấn chỉ			-	
f	Chi trang phục			-	
g	Chi huấn luyện và nuôi chó nghiệp vụ, chi quản lý rủi ro và các khoản chi nghiệp vụ đặc thù khác	(83,584,273)		(83,584,273)	
h	Chi nghiên cứu khoa học cấp cơ sở			-	
i	Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ			-	
j	Chi đoàn công tác nước ngoài,			-	
k	Chi đóng niên liễm			-	
<b>2</b>	<b>Kinh phí chi hỗ trợ đầu tư xây dựng, ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm, sửa chữa tài sản</b>	<b>(315,676,934)</b>	<b>896,639,568</b>	<b>580,962,634</b>	
<b>2.1</b>	<b>Chi ứng dụng công nghệ thông tin</b>	<b>(11,860,000)</b>		<b>(11,860,000)</b>	
a	Kinh phí chi nhỏ lẻ	(1,200,000)		(1,200,000)	
-	Kinh phí chi bảo trì bảo dưỡng	(10,660,000)		(10,660,000)	
c	Kinh phí chi kênh truyền			-	

d	Mua sắm thiết bị CNTT thông thường			-	
e	Kinh phí chi nội dung khác			-	
2.2	<b>Chi mua sắm tài sản</b>	<b>(26,816,000)</b>	<b>746,639,568</b>	<b>719,823,568</b>	
a	Mô tô			-	
b	Thiết bị phân tích phân loại			-	
c	Máy phát hiện ma túy			-	
d	Kênh truyền			-	
e	Máy phát điện			-	
f	Thiết bị kiểm tra giám sát	(235,000)		(235,000)	
h	Mua sắm tài sản khác	(26,581,000)	746,639,568	720,058,568	Bổ sung kinh phí hệ thống năng lượng mặt trời năm 2020 số tiền 0,746 tỷ đồng
2.3	<b>Chi sửa chữa tài sản</b>	<b>(277,000,934)</b>	<b>150,000,000</b>	<b>(127,000,934)</b>	
a	Ô tô	(70,980,984)		(70,980,984)	
b	Camera giám sát			-	
c	Ca nô, tàu thuyền	(115,576,000)		(115,576,000)	
d	Máy soi hàng hóa, máy soi container			-	
e	Thiết bị phân tích phân loại			-	
f	Thiết bị kiểm tra giám sát			-	
g	Tài sản khác	(10,739,000)	150,000,000	139,261,000	Bổ sung tiền mua sắm trang bị, gắn các dấu hiệu đặc trưng cho xe ô tô kiểm tra, kiểm soát, giám sát Hải quan: 150 triệu đồng.
h	Sửa chữa các dự án có TMĐT dưới 5 tỷ đồng	(79,704,950)	-	(79,704,950)	
+	Nhà bè để ca nô Chi cục HQCK Vĩnh Hội Đông	(6,661,950)		(6,661,950)	
+	Cải tạo, sửa chữa Đội Nghiệp vụ HQ Bắc Đai- Chi cục HQCK Vĩnh Hội Đông	(15,288,000)		(15,288,000)	
+	Sửa chữa nhà làm việc (son + chống thấm) trụ sở Chi cục HQCK Vĩnh Xương	(57,755,000)		(57,755,000)	